

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025
của Trường THPT Trần Quốc Tuấn

Căn cứ Quyết định số Quyết định số 1014/QĐ-SGDĐT ngày 30/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025; Xét đề nghị của Kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai Quyết định số 1014/QĐ-SGDĐT ngày 30/12/2024 (có phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán, văn phòng, các tổ chuyên môn và các bộ phận liên quan trong nhà trường thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Trang web nhà trường, bảng tin (công khai);
- Lưu KT.



HIỆU TRƯỞNG

Mai Xuân Kiên

Số: 1014/QĐ-SGDĐT

Kon Tum, ngày 30 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH KON TUM

Căn cứ Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao kế hoạch thực hiện các chương trình trình mục tiêu quốc gia năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Thông báo số 5289/TB-STC ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Sở Tài chính về việc chỉ tiêu hướng dẫn dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Công văn số 5577/STC-QLNS ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Sở Tài chính về phương án phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo; Thông báo số 22/STC-QLNS ngày 30/12/2024 của Sở Tài chính về việc thông báo dự toán ngân sách năm 2025.

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, gồm có phụ lục tổng hợp và phụ lục chi tiết từng đơn vị kèm theo.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại điều 1 và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (p/h);
- KBNN tỉnh/huyện (p/h);
- Giám đốc Sở GDĐT (t/d);
- Các Phó GD Sở GDĐT (t/d);
- Đơn vị sử dụng ngân sách (t/h);
- Lưu: VT, KHCTTS.

GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Trung

PHỤ LỤC TỔNG HỢP
PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

DVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	NỘI DUNG PHÂN BỐ THU, CHI																																							
		Phân thu			Phân chi NSNN																																				
		Trong đó:			Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên															Kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên																					
		Tổng thu sự nghiệp, dịch vụ	Cân đối từ nguồn thu bổ sung chi CCTL	Cân đối từ nguồn thu bổ sung chi thường xuyên	Tổng chi NSNN	Tổng cộng chi thường xuyên	Trong đó:				Tổng cộng chi không thường xuyên	Trong đó:																													
Chi lương và các khoản mang tính chất lương theo lương 1,49 tr.đ	Chi cải cách tăng lương từ 1,49tr.đ lên 2,34 tr.đ (sau khi đã cân đối từ nguồn thu)						Chi tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	Chi TX theo cơ cấu lương (sau khi trừ tiết kiệm và cân đối từ nguồn thu)	Chi trả học bổng HS DTNT theo lương 1,49tr	Chi trả CCTL tăng thêm từ 1,49tr.đ lên 2,340tr.đ học bổng HS DTNT		Chi TX theo cơ cấu học bổng 85/15 (sau khi trừ tiết kiệm 10%)	Chi Đề án ngoại ngữ	Chi Đề án đảm bảo CSVC (sưa chữa nhà CSVC)	Chi mua sắm trang thiết bị dạy học cho các trường	Kinh phí thực hiện ĐA NCCLĐTT S	Học bổng khuyến khích học tập theo ND84	KP tổ chức bồi dưỡng đội tuyển HS giỏi quốc gia	Học bổng HS đối tuyển thi HS giỏi quốc gia	KP cho GV biết phải dạy tiếng Việt tại Cam pu chia	Chi hoạt động chung của ngành tại Sơ	Hỗ trợ học sinh THPT vùng đặc biệt khó khăn ND 116	Kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển chuyên môn nghiệp vụ	KP hỗ trợ chi phí học tập đặc biệt cho học sinh ND81	Chính sách ưu tiên đối với học sinh dân tộc rất ít người theo ND57	Hỗ trợ chính sách PTGD MN theo ND105	Đào tạo các chính sách theo ND116; bi đường thực hiện chương trình GDPT 2018	Kinh phí đào tạo sinh viên SP theo ND116	KP đào tạo sinh viên theo chế độ cử tuyển	Trang bị tài liệu GDDP Kon Tum	Kinh phí Đề án chuyển đổi số trong GDĐT	Hỗ trợ thực hiện lộ trình thu, miễn thu dịch vụ tuyển sinh	Hỗ trợ xây dựng mô hình dân vận khéo	Chi thực hiện nhiệm vụ ATGT	Chi sửa chữa xe ở tổ						
1	2	3	4=5+9	5=6+...+9	6	7	8	9	10=11+...+35	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36						
	TỔNG CỘNG	34.229	3.075	4.612	540.024	404.377	235.711	116.467	17.682	34.517	135.647	41.095	23.111	7.252	689	4.050	5.670	3.640	210	1.050	450	128	18.632	10.190	68	4.652	904	10	2.350	1.000	121	2.349	6.052	1.722	24	50	178				
A	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC	34.229	3.075	4.612	523.211	393.458	230.310	113.498	17.222	32.428	129.753	41.095	23.111	7.252	689	4.050	5.670	3.640	210	1.050	450	128	18.632	10.190	68	4.652	904	10	-	-	-	-	6.052	1.722	-	-	-	178			
I	Loại 070 - Khoản 071	4.175	181	270	8.840	8.767	5.259	2.491	425	592	73	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	63	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Trường Mầm Non THSP Kon Tum	4.175	181	270	8.840	8.767	5.259	2.491	425	592	73	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	63	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
II	Loại 070 - Khoản 072	3.200	22	34	17.098	17.093	9.853	4.948	758	1.534	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Trường Tiểu học THSP Ngụy Như Kon Tum	3.200	22	34	17.098	17.093	9.853	4.948	758	1.534	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
III	Loại 070 - Khoản 073	3.980	659	992	180.107	116.679	68.243	33.922	4.568	9.946	63.428	31.621	17.706	5.580	-	-	-	2.124	-	-	-	-	-	-	4.391	17	1.905	84	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Trường THCS-THSP Lý Tự Trọng	2.120	284	427	20.487	20.203	11.863	5.829	1.011	1.500	284	-	-	-	-	-	-	2.124	-	-	-	-	-	-	4.391	17	1.905	84	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Trường PT DTNT huyện Sa Thầy	110	43	65	20.956	12.418	7.231	3.608	489	1.090	8.538	4.005	2.285	707	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	790	281	84	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Trường PT DTNT huyện Đăk Tô	110	43	65	19.984	11.709	6.825	3.403	455	1.025,5	8.275	4.291	2.448	757	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	422	157	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4	Trường PT DTNT THPT huyện Kon Plông	110	43	65	22.573	12.003	6.994	3.488	469	1.052	10.570	5.340	3.047	942	-	-	-	254	-	-	-	-	-	-	-	768	219	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
5	Trường PT DTNT huyện Đăk Glei	115	45	68	25.126	14.314	8.405	4.198	437	1.274	10.812	5.483	3.128	968	-	-	-	351	-	-	-	-	-	-	-	679	203	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
6	Trường PT DTNT THPT huyện Đăk Hà	1.119	125	188	30.053	21.331	12.443	6.162	919	1.807	8.722	4.101	2.005	724	-	-	-	411	-	-	-	-	-	-	-	1.109	17	355	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
7	Trường PT DTNT huyện Tu Mơ Rông	108	42	64	20.751	11.059	6.486	3.233	367	972,5	9.692	4.863	2.775	858	-	-	-	363	-	-	-	-	-	-	-	623	210	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
8	Trường PT DTNT huyện Kon Rẫy	188	34	50	20.178	13.643	7.996	4.001	421	1.225	6.535	3.538	2.018	624	-	-	-	159	-	-	-	-	-	-	-	-	196	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
IV	Loại 070 - Khoản 074	22.349	2.117	3.172	310.821	244.990	143.431	70.445	11.188	19.926	65.831	9.474	5.405	1.672	689	4.050	5.670	1.438	210	1.050	450	128	18.632	5.799	51	2.519	820	-	-	-	-	-	6.052	1.722	-	-	-	-	-		
1	Trường THPT Kon Tum	3.680	283	422	23.426	23.344	13.729	6.672	1.142	1.801	82	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	53	29	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Trường THPT Lê Lợi	1.580	142	212	14.846	14.449	8.450	4.135	713	1.151	397	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	334	63	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Trường THPT Nguyễn Trãi	2.590	215	323	19.932	19.393	11.388	5.552	935	1.518	539	-	-	-	-	-	-	232	-	-	-	-	-	-	211	62	34	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4	Trường THPT Trần Quốc	1.725	170	254	17.137	17.066	9.992	4.888	828	1.358	71	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	31	40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
5	Trường THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành	900	154	231	25.229	23.505	13.771	6.807	948	1.979	1.724	-	-	-	-	-	210	1.050	450	-	-	-	-	-	-	14	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
6	Trường THPT Nguyễn Văn	1.246	117	176	13.784	13.539	7.917	3.888	635	1.099	245	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	139	106	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
7	Trường THPT Duy Tân	2.510	150	224	18.934	18.542	10.812	5.318	896	1.515,5	392	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	287	72	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
8	Trường THPT Chu Văn An	255	32	48	7.076	6.619	3.834	1.905	314	566	457	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	303	154	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
9	Trường THPT Quang Trung	1.190	122	184	11.461	11.103	6.524	3.181	527	870,5	358	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	169	189	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
10	Trường THPT Lương Thế	150	59	88	16.770	14.338	8.426	4.196	457	1.259	2.432	-	-	-	-	-	-	163	-	-	-	-	-	1.576	693	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
11	Trường THPT Ngô Mây	1.085	154	231	16.354	15.511	9.076	4.440	761	1.234	843	-	-	-	-	-	-	155	-	-	-	-	-	498	190	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
12	Trường THPT Phan Chu Trinh	90	35	53	6.899	6.050	3.516	1.742	281	511	849	-	-	-	-	-	-	260	-	-	-	-	-	474	115	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
13	Trường THPT Trường Chinh	1.678	144	215	14.904	14.314	8.376	4.096	705	1.137	590	-	-	-	-	-	-	78	-	-	-	-	-	232	280	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
14	Trường THPT Phan Bội Châu	560	47	70	7.255	7.147	4.149	2.051	351	596	108	-	-	-	-	-	-	103	-	-	-	-	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
15	Trường PTH DTNT tỉnh	130	51	76	26.756	13.770	8.010	3.993	563	1.204	12.986	6.794	3.876	1.199	-	-	-	195	-	-	-	-	-	-	136	786	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
16	PH Trường PT DTNT tỉnh tại huyện Ia H'Drai	65	25	39	13.791	7.179	4.237	2.114	190	638	6.612	2.680	1.529	473	-	-	-	252	-	-	-	-	-	1.430	18	230	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
17	Trường THCS-THPT Liên Việt Kon Tum	2.915	217	326	19.325	19.122	11.224	5.467	942	1.489	203	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	62	141	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
18	Văn phòng Sở GDĐT	-	-	-	36.943	-	-	-	-	36.943	-	-	-	-	689	4.050	5.670	-	-	-	-	128	18.632	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.052	1.722	-	-	-	-	-		
V	Loại 070 - Khoản 075	525	96																																						

PHỤ LỤC CHI TIẾT
DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THPT Trần Quốc Tuấn

Mã số đơn vị SDNS: 1002685

Mã KBNN nơi giao dịch: 3017

(Kèm theo Quyết định số 1014 /QĐ-SGDĐT ngày 30/12/2024 của Sở GD&ĐT)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Mã phân loại dự toán	Mã CTMT	Chương-Loại-Khoản	Mã nguồn	Số tiền
A	B	1	2	3	4	5
I	Phân thu					1.725.000.000
1	Tổng thu sự nghiệp, thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục. Trong đó:					1.725.000.000
	-Kinh phí được trích thực hiện cải cách tiền lương					170.000.000
	-Kinh phí được trích bổ sung chi thường xuyên					254.000.000
II	Phân chi NSNN					17.137.000.000
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	01		422-070-074		17.066.000.000
	- Kinh phí chi thường xuyên theo cơ cấu lương, chi khác				12	11.350.000.000
	- Kinh phí chi thực hiện cải cách tiền lương				12	4.888.000.000
	- Kinh phí chi tiền thưởng theo NĐ73/2024				18	828.000.000
2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	01		422-070-074		71.000.000
	- Kinh phí hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở vùng có điều kiện KTXH ĐBKK theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP				12	31.000.000
	- Kinh phí hỗ trợ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP, và Nghị định 97/2023/NĐ-CP				12	40.000.000